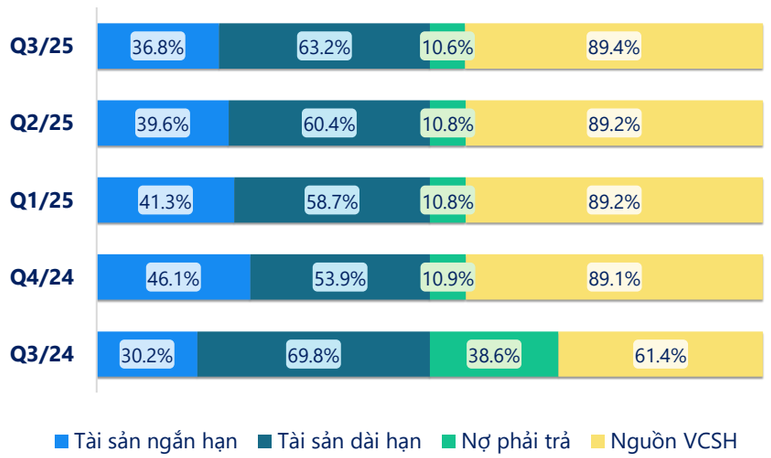
FireAnt

CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,200
SL cổ phiếu LH	36,868,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	271,590
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	107
P/E	-6.6
EPS	-438

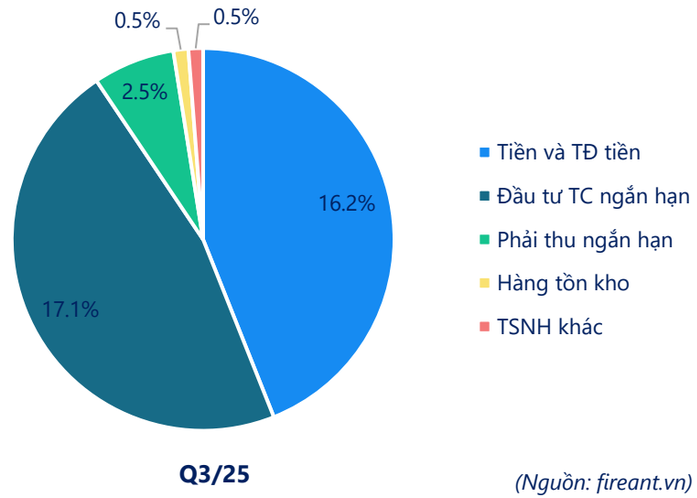
	YTD	1T	3T	6T
PV2	16.0%	-6.5%	11.5%	-6.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



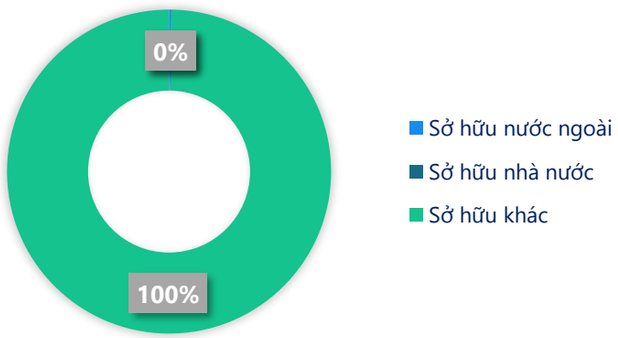
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



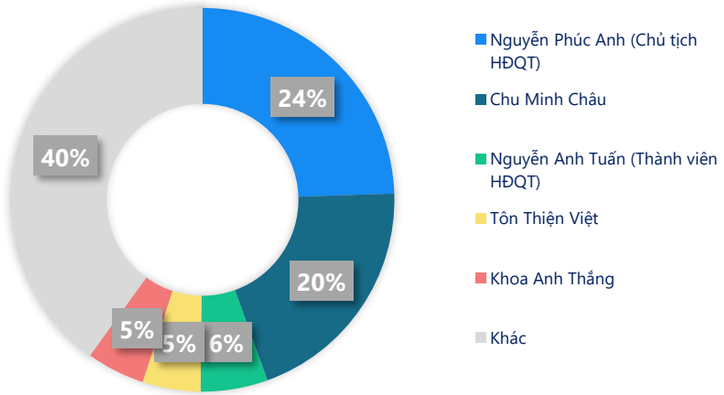
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



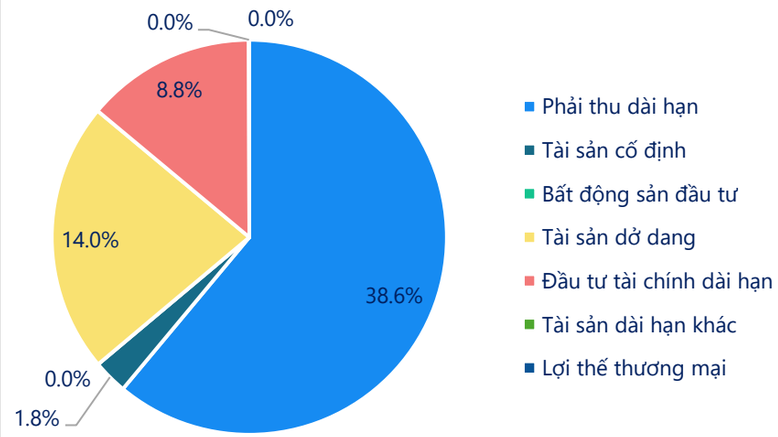
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

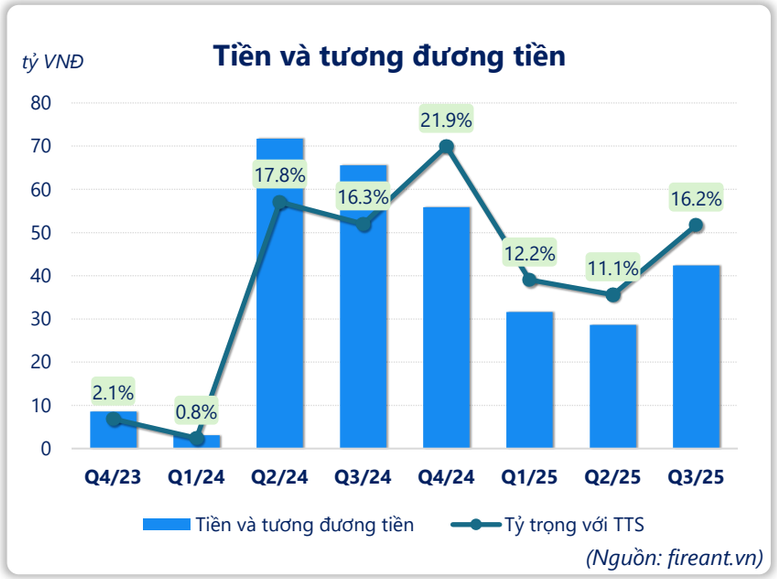
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



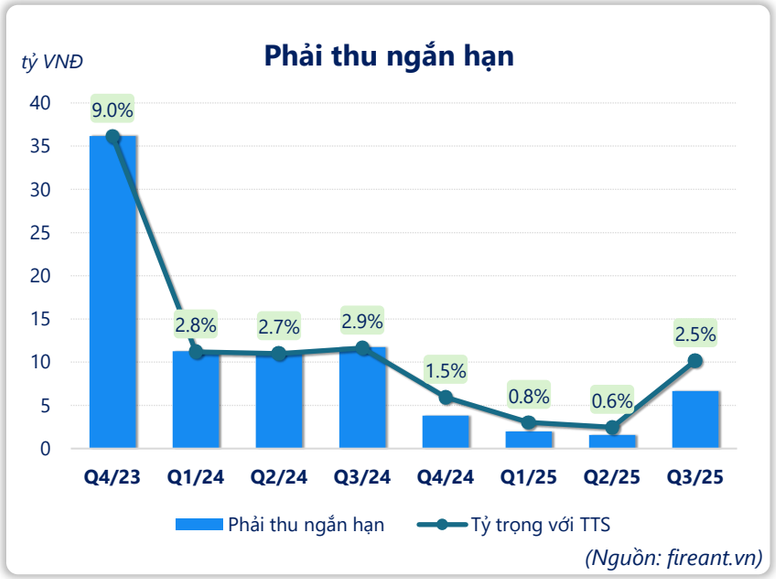
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

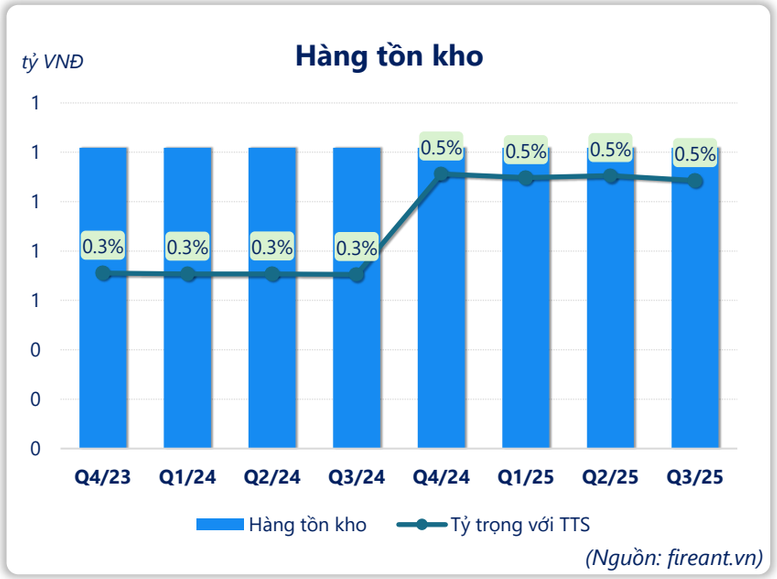
CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)



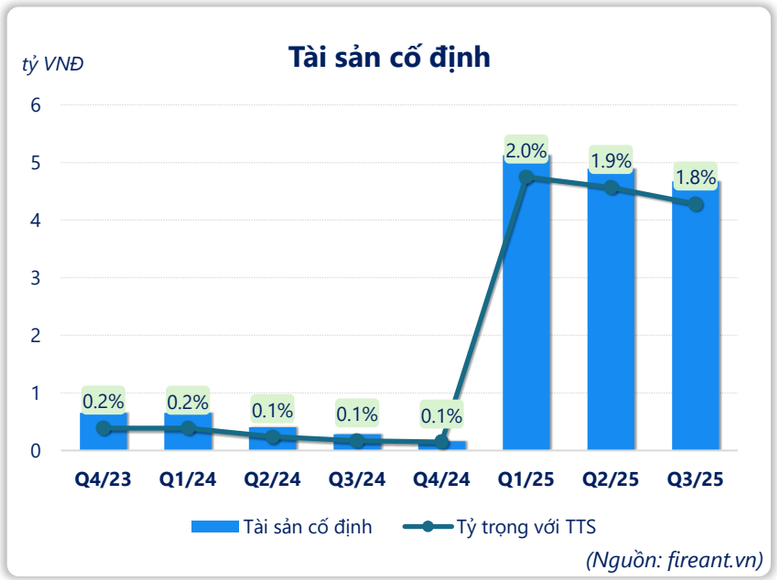
(Nguồn: fireant.vn)



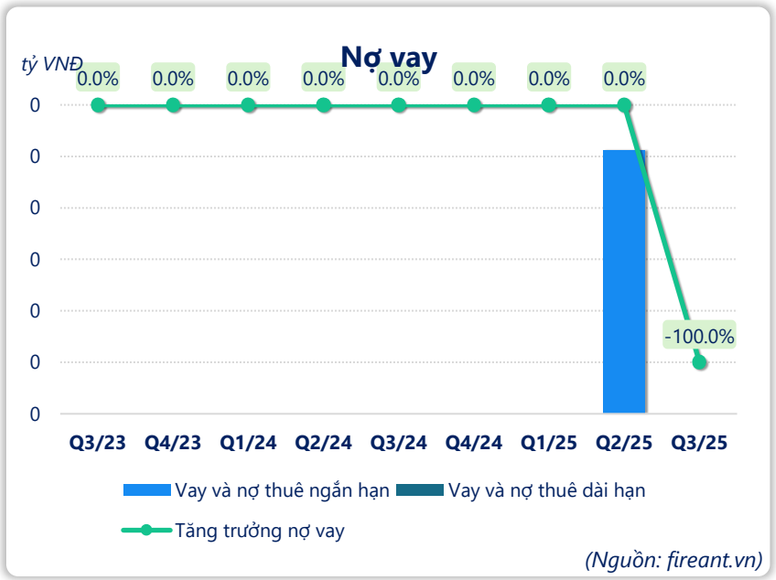
(Nguồn: fireant.vn)



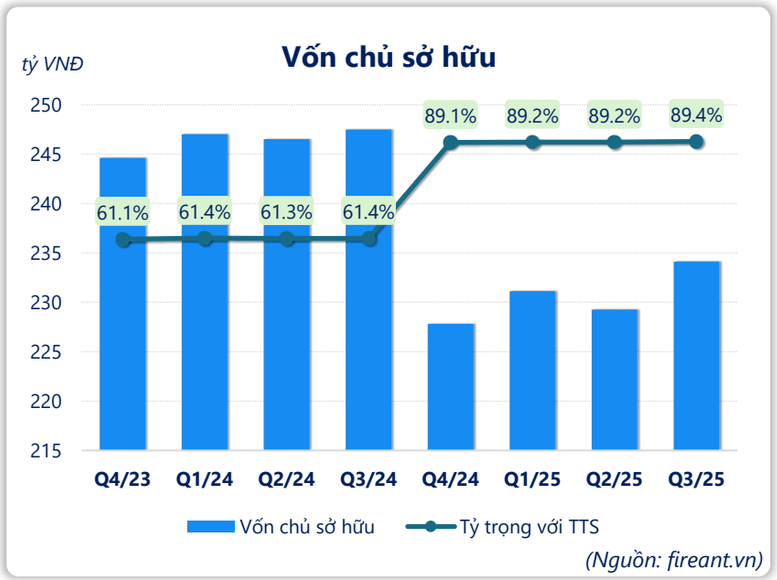
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

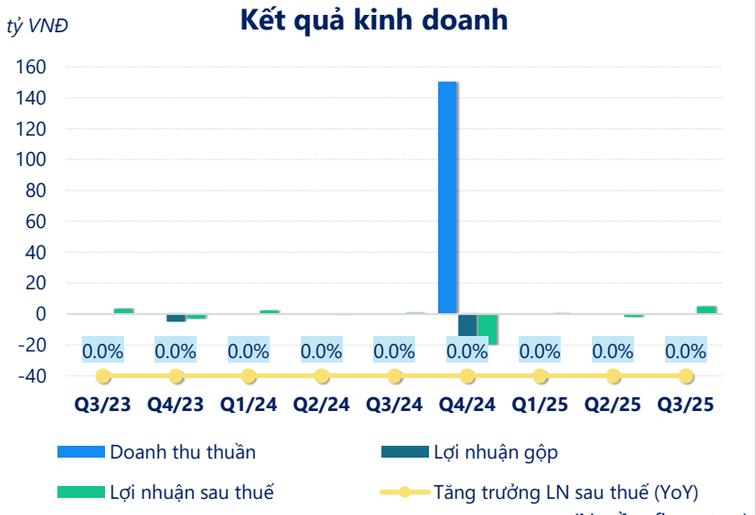


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

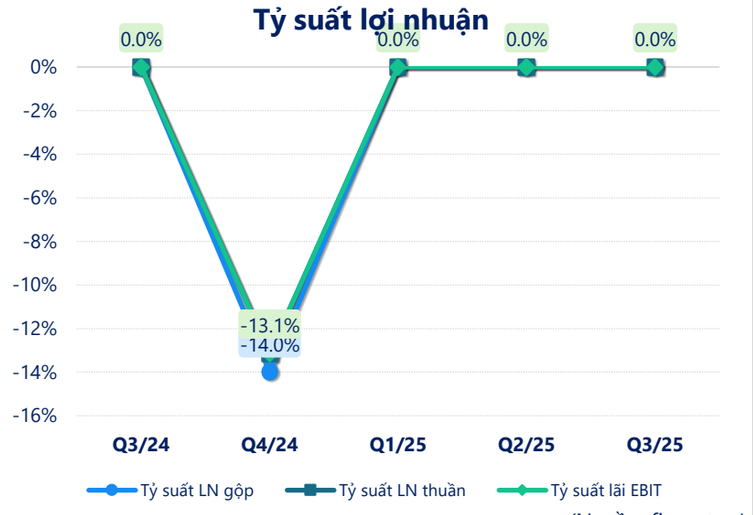
CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

Kết quả kinh doanh



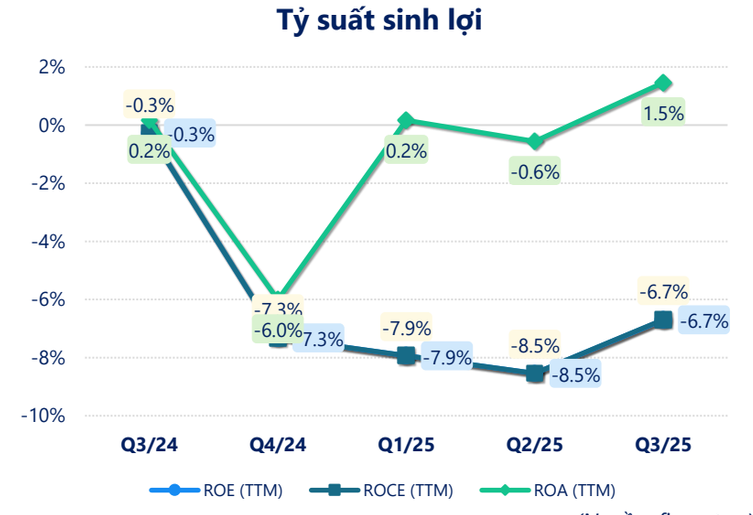
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



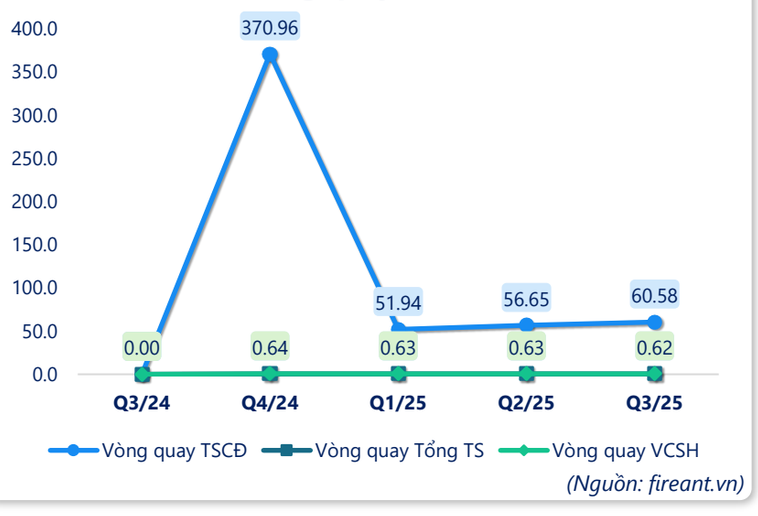
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



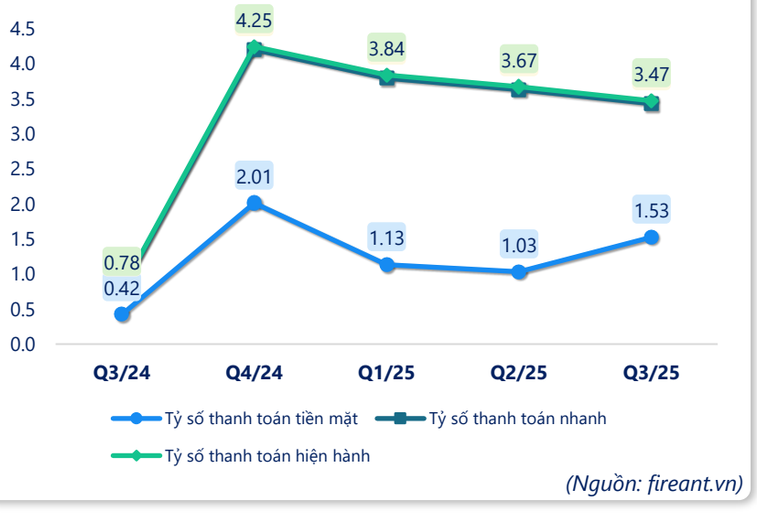
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



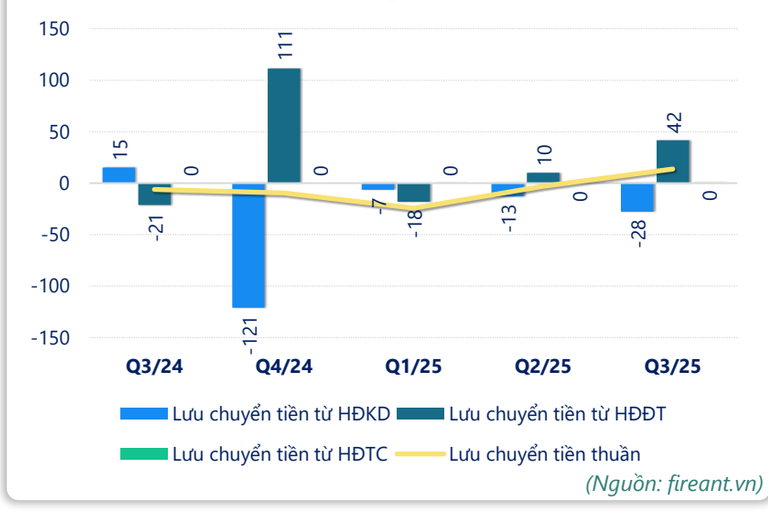
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**262**	**259**	**1.2%**
Tài sản ngắn hạn	96.3	118	-18.3%
Tiền và tương đương tiền	42.4	55.9	-24.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.9	56.4	-20.4%
Phải thu ngắn hạn	6.66	3.77	76.5%
Hàng tồn kho	1.22	1.22	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	0.56	111%
Tài sản dài hạn	**166**	**141**	**17.5%**
Phải thu dài hạn	101	83.4	21.2%
Tài sản cố định	4.67	0.16	2860%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.7	36.4	0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	20.8	10.3%
Tài sản dài hạn khác	**0.08**	**0.09**	**-16.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.7	28.2	-1.7%
Nợ ngắn hạn	**27.7**	**28.2**	**-1.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.02	0.02	22.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**234**	**231**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**234**	**231**	**1.5%**
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0	150	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	171	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	-21.0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	2.68	4.16	2.15	1.40	8.10
Chi phí TC	-0.13	1.07	-0.45	0.92	1.07
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.00	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.13	1.78	2.06	2.31	2.16
LN thuần từ HĐKD	0.68	-19.7	0.55	-1.84	4.86
Lợi nhuận khác	0	0	0	-0.01	0
LN trước thuế	0.68	-19.7	0.55	-1.85	4.86
Lợi nhuận sau thuế	0.68	-19.7	0.55	-1.85	4.86
LNST của CĐ cty mẹ	0.68	-19.7	0.55	-1.85	4.86

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.1	-121	-6.50	-12.8	-27.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.3	111	-18.0	10.1	41.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0.22	-0.23	-0.01
Tiền đầu kỳ	71.7	65.5	55.9	31.6	28.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.15**	**-9.65**	**-24.3**	**-2.99**	**13.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	65.5	55.9	31.6	28.6	42.4

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic